

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ TẠI HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

Lê Thị Thanh Hảo^{1*}, Vũ Ngọc Huyền¹, Nguyễn Văn Song², Bùi Thị Nga¹, Nguyễn Quảng Nam³

¹*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

³*Chi cục Phát triển nông thôn Ninh Bình - Ninh Bình*

**Tác giả liên hệ: lthao@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 20.04.2020

Ngày chấp nhận đăng: 08.09.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu đã điều tra 35 hợp tác xã (HTX) và 105 thành viên các HTX ở huyện Tiền Hải nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất kiến nghị để nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

Nghiên cứu đã điều tra 35 hợp tác xã (HTX) và 105 thành viên các HTX ở huyện Tiền Hải nhằm thu thập thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX trên địa bàn huyện. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX. Kết quả cho thấy trên địa bàn huyện đa số là HTX tổng hợp với hai hoạt động chính là sản xuất và cung cấp dịch vụ. Trong giai đoạn 2016-2018, lợi nhuận bình quân của các HTX có xu hướng tăng nhưng vẫn ở mức thấp, chủ yếu để tái đầu tư, không chia cho thành viên. Phần lớn thành viên HTX phải chủ động về vốn và tiêu thụ sản phẩm. Việc huy động vốn từ thành viên rất hạn chế. Thành viên hài lòng với việc tham gia HTX, chất lượng, giá cả sản phẩm dịch vụ mà HTX cung cấp đều đạt mức đánh giá tốt. Tuy nhiên, vai trò của HTX trong việc giúp thành viên tăng doanh thu, lợi nhuận và tìm kiếm ý tưởng mới để tăng hiệu quả chỉ ở mức trung bình. Để nâng cao kết quả hoạt động của các HTX trên địa bàn huyện, chính quyền, HTX và thành viên cần tháo gỡ khó khăn về vốn; đầu tư cho hoạt động tiêu thụ; liên kết giữa doanh nghiệp với HTX và thành viên; khuyến khích thành viên và HTX tham gia vào chuỗi giá trị nông sản an toàn.

Từ khoá: Hợp tác xã, nâng cao, kết quả SX kinh doanh, Tiền Hải.

Performance of Cooperatives in Tien Hai District, Thai Binh Province

ABSTRACT

The study investigated 35 cooperatives and 105 members of cooperatives in Tien Hai district in order to collect the situation and to propose recommendations to improve the results of production and business activities of cooperatives in the district.

The study investigated 35 cooperatives and 105 members of cooperatives in Tien Hai district in order to collect information on production and business activities of cooperatives. On the basis of analyzing the current situation, the study has proposed some recommendations to improve the results of production and business activities of cooperatives. The results showed that most of the cooperatives in Tien Hai are operated in many fields with two main business activities, production and service provision. In the period of 2016-2018, the average profit tended to increase but remained at low amounts. The profit was mainly used for reinvestment, without distributing to members. The majority of cooperative members must take the initiative in capital generation and product consumption. The mobilization of capital from the members is minimal. Members are satisfied with participating in the cooperative; the quality and price of products and services provided by the cooperatives are assessed at good levels. However, the role of cooperatives in helping members increase revenue, increase profits and the initiative to seek new ideas to increase the performance is only at a neutral score. In order to improve the performance of cooperatives in the district in the coming time, the authorities, cooperatives and members need to focus on: solving capital difficulties; promoting investment in consumption activities; strengthening linkages between businesses with cooperatives and members; and encouraging the cooperatives and members participate in safe agricultural value chains.

Keywords: Cooperatives, improving, business results, Tien Hai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác xã (HTX) là loại hình kinh tế tập thể khá phổ biến, hoạt động trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội và hiện diện ở các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau. Ở Việt Nam trong những năm qua, phát triển kinh tế hợp tác, HTX kiểu mới đang trở thành xu hướng của kinh tế hộ ở nhiều địa phương; là phương thức tổ chức sản xuất (SX) quan trọng của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, gắn với tái cơ cấu nền kinh tế. Số lượng HTX thành lập mới tăng dần qua các năm ở hầu hết các tỉnh, thành phố, nhất là địa phương có ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Nhiều HTX chú trọng phát triển mô hình SX gắn với chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ cao nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm trong điều kiện hội nhập quốc tế (Liên minh HTX Việt Nam, 2018). Theo Liên minh HTX Việt Nam, 2019, đóng góp của khu vực HTX vào GDP của cả nước, đạt khoảng 4,0%. Ngoài những đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, các HTX còn đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế thành viên, tạo việc làm, giảm chi phí, tăng giá bán, góp phần cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, góp phần đạt chuẩn nông thôn mới tại địa phương.

Mặc dù có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn cũng như nhiều lợi ích xã hội khác, các HTX ở Việt Nam nhìn chung còn đang gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được hết thế mạnh, tiềm năng của mình (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2017). Những khó khăn nội tại của HTX kéo dài, chậm được khắc phục; năng lực tài chính yếu, khả năng cạnh tranh thấp, nhiều HTX chưa có khả năng xây dựng phương án SXKD khả thi, năng lực quản lý còn nhiều bất cập... Ngoài ra, tỉ lệ lớn HTX nông nghiệp có diện tích bình quân đầu người và vốn tự có thấp, năng lực quản trị yếu, ít có động lực chuyển dịch cơ cấu SX gắn với chuỗi giá trị; số HTX hoạt động có hiệu quả chưa nhiều.

Là một huyện ven biển vùng đồng bằng

sông Hồng, có địa hình tương đối bằng phẳng, bờ biển dài cùng hệ thống sông ngòi khá dày đặc và phân bố đồng đều, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình có nhiều lợi thế trong phát triển nông nghiệp ở các lĩnh vực: trồng trọt (TT), chăn nuôi (CN) và thủy sản (TS). Phát huy lợi thế tự nhiên sẵn có của địa phương, các HTX trên địa bàn huyện đều hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 100% HTX của Huyện đã hoàn thành chuyển đổi theo Luật HTX 2012, với tổng số 55.763 hộ thành viên, hầu hết là xã viên HTX cũ chuyển sang (UBND huyện Tiên Hải, 2018). Trong quá trình hoạt động, một số HTX trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả khả quan nhưng vẫn còn nhiều HTX gặp khó khăn, chưa phát huy được tiềm năng của vùng đất ven biển. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ thực trạng và kết quả hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện, từ đó đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao kết quả hoạt động SXKD của các HTX này trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

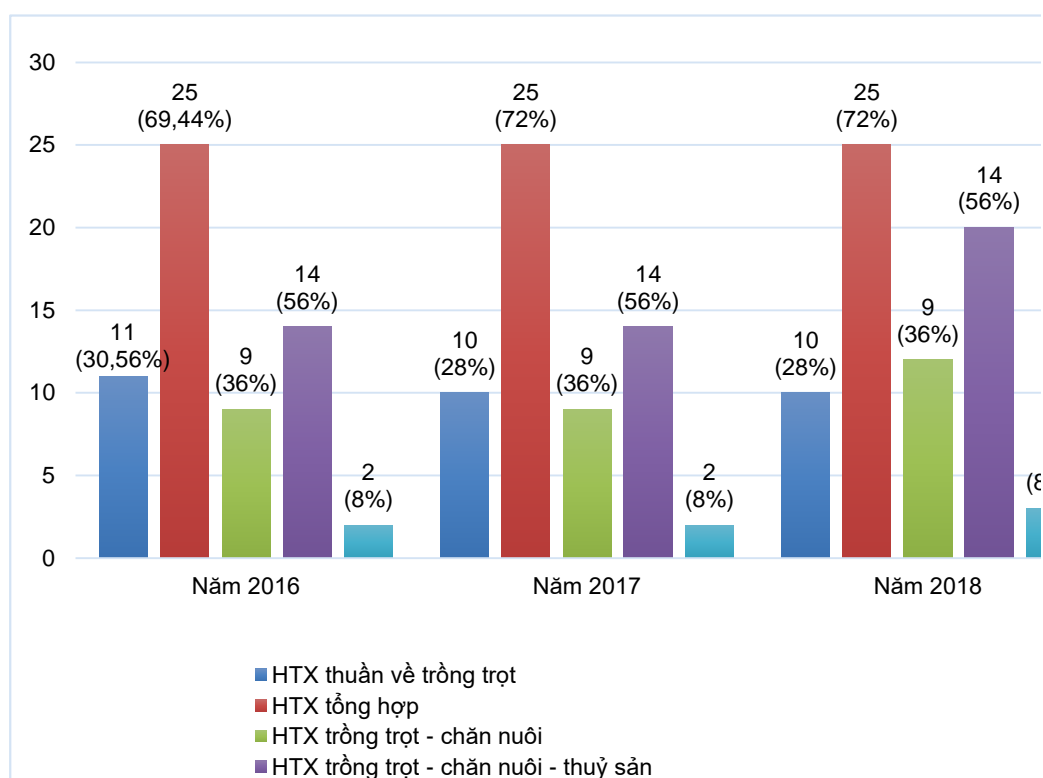
Số liệu thứ cấp sử dụng trong đề tài được thu thập từ các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX Việt Nam và báo cáo tình hình kinh tế tập thể năm 2017, 2018 của huyện Tiên Hải;

2.2. Thu thập số liệu sơ cấp

Để hiểu rõ thực trạng và kết quả hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện Tiên Hải, nghiên cứu đã điều tra toàn bộ 35 HTX của huyện trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2019. Tại mỗi HTX nhóm tiến hành điều tra qua bảng hỏi đối với 01 đại diện Ban Giám đốc (BGĐ) và 03 thành viên (TV) được lựa chọn ngẫu nhiên. Phiếu điều tra được thiết kế theo hướng kết hợp định tính và định lượng với nội dung tập trung vào các vấn đề liên quan tới thực trạng và kết quả hoạt động SXKD, thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động của các HTX.

Bảng 1. Đặc điểm về mẫu điều tra

Nội dung	Ban Giám đốc HTX		Thành viên	
	SL (HTX)	Tỷ lệ (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số mẫu điều tra	35	100	105	100
Xét theo không gian				
Khu Đông	12	34,29	36	34,29
Khu Nam	11	31,43	33	31,43
Khu Tây	12	34,29	36	34,29
Theo lĩnh vực hoạt động				
HTX thuần về TT	10	28,57	30	28,57
HTX TT - CN	9	25,71	27	25,71
HTX TT - CN - TS	14	40,00	42	40,00
Khác	2	5,71	6	5,71
Theo trình độ học vấn				
Đại học	15	42,86	7	6,67
Trung cấp, CĐ	20	57,14	24	22,83
PTTH	0	0	67	63,81
Không biết chữ	0	0	7	6,67



Hình 1. Số lượng và cơ cấu HTX trên địa bàn huyện xét theo lĩnh vực hoạt động

Thang đo Likert 5 cấp độ được sử dụng để đánh giá mức độ chấp nhận/hài lòng của cán bộ quản lý HTX và TV HTX đối với thực trạng và kết quả hoạt động của HTX theo mức độ tăng

dần từ 1 đến 5. Giá trị trung bình được tính toán trong theo phương pháp bình quân gia quyền, trong đó, mức độ rất đồng ý được cho điểm 5, mức độ đồng ý là 4, mức độ trung bình,

chấp nhận được là 3, mức độ kém, chưa đồng ý là 2, mức độ rất kém, rất không đồng ý là 1 điểm. Giá trị khoảng cách = (tối đa – tối thiểu)/n = (5 – 1)/5 = 0,8.

2.3. Phương pháp thống kê

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được cũng như sự biến động của các chỉ tiêu phân tích theo thời gian và cơ cấu trong tổng thể thông qua việc sử dụng biểu đồ và bảng tổng hợp dữ liệu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn huyện Tiên Hải

3.1.1. Tình hình cơ bản về các hợp tác xã trên địa bàn huyện

Huyện Tiên Hải có 35 HTX, đều là HTX nông nghiệp. Trong đó, trừ xã Đông Minh có hai HTX là Hải Châu và Đông Minh, 33 xã còn lại có mỗi xã có một HTX. HTX của huyện được chia làm 3 khu theo đơn vị hành chính: khu Đông (12 HTX), khu Nam (11 HTX) và khu Tây (12 HTX). Việc hình thành các HTX tại tất cả các khu vực trong huyện góp phần tận dụng được lợi thế về điều kiện tự nhiên đối với SX nông nghiệp cũng như đẩy mạnh hoạt động phát triển kinh tế tập thể nói chung trên toàn huyện.

Căn cứ vào Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT về Hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX nông nghiệp, 100% HTX có hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, trong đó có 28,6% (10 HTX) thuần về trồng trọt, và 71,4% là HTX tổng hợp. Lợi thế về địa hình tương đối bằng phẳng, nhiều diện tích nước ngọt, nước lợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX phát triển SX trên tất cả các lĩnh vực về nông nghiệp. Trong đó 40% là HTX kết hợp trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản (TT- CN - TS), 25,7% là trồng trọt - chăn nuôi (TT - CN) (Hình 1). Do việc thành lập HTX về làng nghề, điện, môi trường, nước sạch được người dân đánh giá là khó khăn hơn nên toàn huyện chỉ có 2 HTX kết hợp trồng trọt với cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

Cây trồng chủ yếu của các HTX là lúa (2 vụ) và một số cây rau màu như ngô, bí, cà rốt. Chăn nuôi tập trung chủ yếu vào lợn, bò và đàn gia cầm nhưng quy mô còn nhỏ lẻ. Các HTX hoạt động trong lĩnh vực thủy sản thì tập trung chính vào sản phẩm tôm, cá (nước lợ), ngao (nước mặn), thủy sản nước ngọt và đang trong quá trình đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ cao vào SX, đem lại giá trị kinh tế cao hơn so với nuôi truyền thống từ 3-4 lần, ít phụ thuộc vào thời tiết như mô hình nuôi tôm thâm canh, mô hình liên kết nuôi ngao, tôm thẻ chân trắng...

Xét theo hoạt động SXKD chính, qua hình 2 ta thấy, 100% HTX trên địa bàn huyện thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và SX. Chỉ có 31,4% HTX có hoạt động tiêu thụ nhưng chủ yếu dưới hình thức HTX đứng ra làm trung gian đại diện TV ký kết với khách hàng, tỉ lệ thực hiện thu mua để tiêu thụ trực tiếp qua HTX còn thấp. Điều này cho thấy các HTX tại đây chưa chú trọng đầu tư vào hoạt động tiêu thụ, dẫn tới hạn chế trong việc hỗ trợ TV tiêu thụ sản phẩm, không phát huy được sức mạnh tập thể trong đàm phán giá, ký kết hợp đồng với người thu gom, doanh nghiệp. Số liệu điều tra cho thấy 81,82% tổng giá trị tiêu thụ sản phẩm được thực hiện bởi TV HTX.

3.1.2. Hoạt động cung cấp dịch vụ của các hợp tác xã

a. Dịch vụ đầu vào

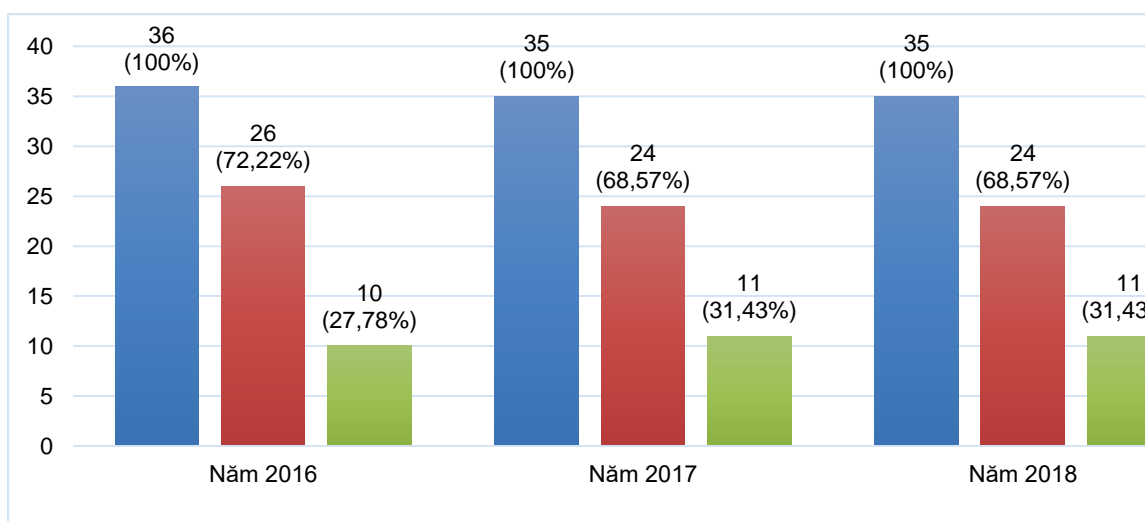
Tất cả các HTX trên địa bàn huyện đều thực hiện cung ứng dịch vụ đầu vào như thủy lợi (thủy nông), bảo vệ thực vật (BVTV) và vật tư nông nghiệp (theo lĩnh vực hoạt động) (Bảng 2). Một số HTX có thêm các dịch vụ khác như diệt chuột, thu gom rác, nước sạch... còn dịch vụ hỗ trợ tài chính hiện chưa được các HTX chú trọng đầu tư. Dịch vụ đầu vào được cung cấp cho cả TV HTX và khách hàng bên ngoài với mức thu tùy thuộc vào loại dịch vụ.

Thu dịch vụ thủy lợi là từ kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí từ ngân sách nhà nước căn cứ vào diện tích SX các vụ và thu định mức của TV, từ 4-7kg thóc/sào/năm theo giá thóc do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định hàng năm. Nguồn thu từ dịch vụ thủy lợi là khoản thu

chiếm tỷ trọng lớn nhất, thường từ 78-80% tổng doanh thu của các HTX và được HTX sử dụng để xây dựng, tu bổ, nạo vét thủy lợi phục vụ tưới tiêu, trả lương cho cán bộ HTX và cán bộ nông giang, quản đồng. Bên cạnh đó, các HTX đều quan tâm tới việc cung cấp các thông tin về thị trường, tập huấn, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật TT, CN, TS và thực hiện thu định mức của thành viên từ 0,5-1,5kg thóc/sào/năm.

Mức độ sử dụng dịch vụ đầu vào của các TV HTX là khác nhau theo tình hình cung ứng dịch vụ. Nếu dịch vụ thủy nông chỉ có HTX cung ứng thì dịch vụ vật tư nông nghiệp được cung cấp bởi cả HTX và tư nhân. Do đó chỉ có 68-79% TV sử dụng các dịch vụ về vật tư nông nghiệp do HTX cung cấp. Hầu hết các HTX đều có quầy bán vật

tư hoạt động cạnh tranh với tư nhân và áp dụng nhiều biện pháp nhằm khuyến khích TV sử dụng vật tư của HTX như thực hiện chiết khấu cho TV (thường 3-5%), vận chuyển vật tư nông nghiệp đến chân ruộng và kết hợp tư vấn chuyển giao công nghệ. Đối với một số HTX chuyên sản xuất lúa giống cho các công ty như HTX Đông Quý, Nam Phú, Đông Hoàng, Nam Thắng thì TV sử dụng lúa giống do công ty cung cấp thông qua HTX nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào, tăng năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm (Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, 2019). Việc mua vật tư bên ngoài có thể giúp TV chủ động trong việc lựa chọn đầu vào nhưng cũng có thể gặp rủi ro về giống, phân bón và thuốc trừ sâu giả, kém chất lượng.



Hình 2. Số lượng và cơ cấu HTX trên địa bàn huyện xét theo hoạt động SXKD chính

Bảng 2. Tình hình cung cấp và sử dụng dịch vụ đầu của các HTX và thành viên năm 2018

Loại dịch vụ	HTX TT (n = 10)		HTX TT- CN (n = 9)		HTX TT-CN-TS (n = 14)		HTX khác (n = 2)	
	Tỷ lệ HTX cung cấp DV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX cung cấp DV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX cung cấp DV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX cung cấp DV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ
Thủy nông	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Giống	100,0	70,6	100,0	79,2	100,0	72,6	100,0	70,2
Phân bón	100,0	70,6	100,0	73,8	100,0	70,2	100,0	70,4
Thức ăn CN	0	0	100,0	73,4	100,0	72,1	0	0
BVTV	100,0	67,9	100,0	78,4	100,0	69,9	100,0	68,0
Hỗ trợ tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0
Khác (làm đất, diệt chuột)	30,0		33,33		14,28		50	

Ghi chú: HTX: Hợp tác xã; TT: Trồng trọt; CN: Chăn nuôi; TS: Thủy sản.

b. Dịch vụ bảo quản, chế biến

Trong khi đa số các HTX trên địa bàn huyện tập trung vào việc cung cấp dịch vụ đầu vào và khoa học kỹ thuật; chỉ gần 30% HTX có dịch vụ bảo quản (chủ yếu bằng kho lạnh) và sơ chế, như HTX Vân Trường, HTX An Ninh... còn dịch vụ chế biến thì chưa được chú trọng đầu tư (Bảng 3). Dịch vụ bảo quản, chế biến là một trong những khâu quan trọng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản nhưng đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn vào kho bãi, trang thiết bị. Trong khi đó, điều tra thực tế cho thấy, việc huy động góp vốn của TV vào HTX là rất khó khăn và hầu như không thực hiện được ở các HTX trên địa bàn huyện. Vẫn còn tình trạng nợ đọng và chây ỳ trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của TV đối với HTX. Ngoài ra, việc tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng cũng gặp khó khăn do HTX không có tài sản thế chấp, hoặc tài sản không đủ giá trị để thế chấp do đã cũ nát hoặc hư hỏng nhưng chưa có vốn để sửa chữa, đầu tư mới, thậm chí một số HTX không có trụ sở, địa điểm kinh doanh riêng, phải hoạt động trong trụ sở của UBND xã (UBND huyện Tiên Hải, 2018). Thiếu vốn, hạn chế trong tiếp cận tín dụng để mở rộng SX, đầu tư vào dịch vụ bảo quản, chế biến không chỉ là khó khăn của các HTX huyện Tiên Hải mà cũng là khó khăn của nhiều HTX ở Việt Nam thời gian qua (Lê Bảo, 2014). Vì vậy, nhằm tháo gỡ khó khăn này, các HTX cần đẩy mạnh hoạt động liên kết đối với doanh nghiệp.

c. Dịch vụ đầu ra và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật

Dịch vụ đầu ra: Bảng 3 cho thấy dịch vụ đầu ra của các HTX tập trung vào hoạt động thu gom, tìm kiếm thị trường, bán hàng trực tiếp và được cung ứng chủ yếu bởi các HTX có hoạt động tiêu thụ. Tính chung cho toàn huyện, chỉ có khoảng 30% HTX cung cấp dịch vụ đầu ra và tỉ lệ TV sử dụng các dịch vụ này còn thấp do phương thức cung cấp và loại hình dịch vụ chưa đa dạng. Như vậy, đây cũng là một lĩnh vực nữa còn bỏ ngỏ trong hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện. Xét theo lĩnh vực hoạt động thì HTX TT - CN - TS có tỉ lệ HTX cung cấp dịch vụ đầu ra cũng như tỉ lệ TV sử dụng dịch vụ này là lớn nhất.

Dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ được các HTX thực hiện 1-2 lần hàng năm để giúp TV cập nhật được các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào SX với sự hỗ trợ của các chi cục, trung tâm khuyến nông của huyện và các công ty cung ứng giống, vật tư phối hợp giới thiệu sản phẩm. HTX hợp đồng với cán bộ BVTV để điều tra, theo dõi, dự báo tình hình diễn biến sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi để khuyến cáo, hướng dẫn biện pháp xử lý cho các TV và thực hiện thu theo định mức của TV từ 1-2,5 kg/sào/năm. Thông tin về SX, thời tiết, thị trường được cập nhật thường xuyên trên các bản phát thanh của xã, trong các cuộc họp của HTX với TV.

3.1.3. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm

Bảng 4 cho thấy, TV các HTX phải chủ động tiêu thụ phần lớn SP SX ra, tỉ lệ SP tiêu thụ thông qua HTX là rất khiêm tốn. Năm 2018, chỉ có 18% sản phẩm được tiêu thụ thông qua HTX, trong đó khoảng 5,5% được HTX tiến hành trực tiếp thu mua, phần còn lại 11,47% được tiêu thụ thông qua hình thức HTX đóng vai trò trung gian, đại diện TV ký kết hợp đồng với khách hàng.

Thành viên HTX phải chủ động trong tìm kiếm đầu ra, tiêu thụ cho khoảng 82% giá trị SP còn lại. Tỉ lệ tiêu thụ qua HTX đạt tỉ lệ lớn nhất ở các HTX trồng trọt năm 2018. Có được kết quả này là do một số HTX trồng trọt (Đông Quý, Nam Thắng, An Ninh) đã ký kết hợp đồng liên kết với một số công ty như Công ty Giống cây trồng Thái Bình, Công ty An Đình... để sản xuất lúa giống. Việc tự chủ trong tiêu thụ SP có thể giúp TV linh hoạt trong việc lựa chọn khách hàng, tìm kiếm thị trường phù hợp với chất lượng SP SX đầu ra nhưng cũng làm mất đi cơ hội trong đàm phán giá, cơ hội nâng cao chất lượng và số lượng SP tiêu thụ.

Do ít HTX trên địa bàn huyện đầu tư vào hoạt động chế biến cùng với sự hạn chế về thời gian sử dụng của các SP trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nên tỉ lệ tiêu thụ ở thị trường trong nước của các HTX là 96,83% tổng giá trị tiêu thụ và chủ yếu là diễn ra tại xã. Chỉ có 3,2% được tiêu thụ ở thị trường nước ngoài, tập trung chủ yếu vào sản phẩm gạo.

Bảng 3. Tình hình cung cấp và sử dụng dịch vụ đầu vào năm 2018 của các HTX và thành viên trên địa bàn Huyện

Loại dịch vụ	HTX trồng trọt (n = 10)		TT- CN (n = 9)		HTX TT-CN-TS (n = 14)		HTX khác (n = 2)	
	Tỷ lệ HTX CCDV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX CCDV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX CCDV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ	Tỷ lệ HTX CCDV	Tỷ lệ TV sử dụng BQ
Dịch vụ bảo quản, chế biến								
Sơ chế	20,0	60,0	22,2	64,6	14,3	68,7	0	0
Chế biến	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo quản	10,0	62,0	11,1	57,2	21,4	58,0	0	0
Dịch vụ đầu ra								
Thu gom	40,0	38,2	22,2	37,0	57,1	53,1	0	0
Tim kiếm thị trường	40,0	38,2	22,2	37,0	42,9	38,5	0	0
Bán hàng trực tiếp	10,0	80,0	33,3	81,6	14,3	60,0	0	0
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật								
Khoa học kỹ thuật	100,0	81,0	100,0	85,0	100,0	88,1	100,0	71,6
Tập huấn, thăm quan	100,0	80,3	100,0	77,2	100,0	80,3	100,0	72,0
Cung cấp thông tin	100,0	76,0	100,0	79,1	100,0	82,2	100,0	76,6

Bảng 4. Tỷ lệ tiêu thụ theo từng hình thức, thị trường trong tổng giá trị tiêu thụ của các thành viên năm 2018

Chỉ tiêu	HTX TT (n = 10)	HTX TT - CN (n = 9)	HTX TT - CN - TS (n = 14)	HTX khác (n = 2)	BQ
Hình thức tiêu thụ					
Tiêu thụ qua HTX	21,3	14,4	19,3	10,0	18,2
HTX trực tiếp thu mua	5,0	4,0	6,8	5,0	5,5
HTX đóng vai trò trung gian	16,3	10,4	12,5	5,0	12,7
Thành viên chủ động tiêu thụ SP	78,7	85,6	80,7	90,0	81,8
Thị trường tiêu thụ					
Trong nước	96,2	97,3	96,5	100,0	96,8
Tại địa phương	71,9	70,0	76,2	98,27	74,6
Địa phương khác	24,3	27,3	20,3	1,73	22,2
Xuất khẩu	3,8	2,7	3,5	0	3,2

3.1.4. Kết quả SXKD của các HTX trên địa bàn huyện

Kết quả SXKD của các HTX trên địa bàn huyện có xu hướng biến động tích cực khi các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016-2018 và được thể hiện ở tất cả các tiểu ngành (Bảng 5). Doanh thu chủ yếu của các HTX là từ hoạt động cung cấp dịch vụ (thu theo định mức), trong đó thu từ

dịch vụ tưới tiêu chiếm tỷ trọng lớn nhất, từ 78-80% tổng doanh thu của các HTX. Qua khảo sát, năm 2018 các HTX thực hiện sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn và có liên kết với DN là các HTX có doanh thu lớn nhất như HTX Đông Quý, Đông Hoàng, Nam Thắng, Văn Trường. Các khoản chi phí tập trung chủ yếu vào chi lương điều hành, chi vật tư cung cấp dịch vụ và sửa chữa tài sản. Theo ý kiến của cán bộ HTX, định mức thu và giá thóc thu theo định mức

thấp trong khi điều hành công việc trả lương theo giá thị trường dẫn tới tỷ suất sinh lời của các HTX chưa cao, phần lớn DT làm ra chỉ đủ để bù đắp chi phí. Lợi nhuận còn lại rất thấp và chủ yếu được giữ lại tái đầu tư, HTX không thực hiện việc chia lợi tức cho TV.

Bên cạnh đó, việc thiếu đổi mới trong phương thức kinh doanh, ít đầu tư vào những hoạt động góp phần gia tăng giá trị SP, tài sản phục vụ sản xuất còn nghèo nàn, chủ yếu là nhà kho, trạm bơm, cống cái từ HTX cũ chuyển sang, thiếu sự hỗ trợ về vốn cũng là những nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận hoạt động của các HTX trên địa bàn huyện trong thời gian qua còn thấp.

Xét theo tiểu ngành các HTX hoạt động trong lĩnh vực TT - CN - TS có doanh thu, lợi nhuận và tỷ suất sinh lời lớn hơn mức bình quân của tất cả các HTX trên địa bàn huyện. Kết quả này có được là do nhiều HTX trong nhóm này trong thời gian qua đã áp dụng công nghệ cao cho nuôi trồng thủy sản, đầu tư vào khâu bảo quản nhằm gia tăng giá trị cho SP.

3.1.5. Đánh giá thực trạng hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện

Nhìn chung, kết quả hoạt động SXKD các HTX trên địa bàn huyện Tiên Hải đã có chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2016-2018 với doanh thu, lợi nhuận ngày càng tăng. Các HTX ngày càng được củng cố về phương thức quản lý, về trách nhiệm và quan hệ giữa TV với HTX. Hoạt động của các HTX gắn liền với hoạt động của chính quyền địa phương (các Giám đốc HTX đều là Đảng ủy viên, một số là Thường vụ Đảng ủy xã) đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhất quán, bám sát chủ trương trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Các hoạt động SXKD của HTX không ngừng nâng cao chất lượng, thiết thực hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển đúng hướng, bước đầu khẳng định là nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế, xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an sinh xã hội. Điều này được khẳng định thông qua ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và TV HTX tham gia phỏng vấn.

Bảng 5. Kết quả SXKD của các HTX trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2018

Chỉ tiêu	Năm	HTX TT	HTX TT-CN	HTX TT- CN – TS	HTX khác	BQ
Doanh thu (triệu đồng)	Năm 2016	1.293,6	1.454,2	1.933,2	2.713,0	1.671,9
	Năm 2017	1.405,6	1.594,0	1.987,9	2.529,0	1.751,2
	Năm 2018	2.769,9	1.511,8	2.221,6	2.535,0	2.213,6
Chi phí (triệu đồng)	Năm 2016	1.276,9	1.442,2	1.911,5	2.663,0	1.652,4
	Năm 2017	1.378,9	1.567,6	1.945,8	2.486,0	1.717,5
	Năm 2018	2.750,8	1.473,8	2.159,2	2.498,0	2.171,3
Lợi nhuận (triệu đồng)	Năm 2016	16,6	12,0	21,6	50,0	19,4
	Năm 2017	30,5	26,2	42,1	43,0	34,7
	Năm 2018	19,3	38,4	62,4	37,0	42,4
Tỷ suất sinh lời (%)	Năm 2016	1,3	0,8	1,1	1,8	1,2
	Năm 2017	2,2	1,6	2,1	1,7	2,0
	Năm 2018	0,7	2,5	2,8	1,5	1,9

Bảng 6. Đánh giá của thành viên về vai trò của HTX

Nội dung đánh giá	Rất không đồng ý (1)	Không đồng ý (2)	Bình thường (3)	Đồng ý (4)	Rất đồng ý (5)	Điểm TB	Kết luận
HTX giúp TV tăng doanh thu	0	12	54	39	0	3,26	Trung bình
HTX giúp TV tăng lợi nhuận	0	10	53	37	5	3,35	Trung bình
HTX luôn tích cực tìm kiếm những ý tưởng mới để tăng hiệu quả hoạt động.	0	12	49	44	0	3,3	Trung bình
Thành viên thỏa mãn với việc là TV HTX	0	0	51	52	2	3,53	Tốt
Thành viên đạt được kỳ vọng khi là TV HTX	0	5	53	43	4	3,44	Tốt

Bảng 7. Đánh giá của quản lý và thành viên HTX về chất lượng hoạt động của HTX

Tiêu chí	Quản lý HTX (n = 35)		Thành viên HTX (n = 105)	
	Giá trị TB	Kết luận	Giá trị TB	Kết luận
Chất lượng sản phẩm dịch vụ HTX cung cấp cho thành viên rất tốt	3,97	Tốt	3,59	Tốt
Giá cả sản phẩm, dịch vụ HTX cung cấp cho thành viên rẻ hơn thị trường	3,8	Tốt	3,5	Tốt
Sản phẩm, dịch vụ mà HTX cung cấp cho thành viên rất thường xuyên và ổn định	3,94	Tốt	3,5	Tốt
Thu nhập của thành viên tăng lên nhờ giao dịch với HTX	3,8	Tốt	3,26	Trung bình

Kết quả đánh giá của các TV HTX cho thấy họ hài lòng với việc tham gia vào HTX và đã đạt được kỳ vọng khi là thành viên HTX, với điểm trung bình lần lượt là 3,53; 3,44, tương đương với mức đánh giá tốt (Bảng 6). Đây sẽ là cơ sở để các HTX tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể ở địa phương. Tuy nhiên, vai trò của HTX trong việc giúp TV tăng doanh thu, tăng lợi nhuận chỉ nhận được mức đánh giá trung bình của các TV HTX tham gia phỏng vấn. Cũng theo TV, các HTX cần chủ động hơn nữa trong việc tìm kiếm ý tưởng mới để tăng hiệu quả hoạt động cho HTX cũng như cho các TV.

Về cơ bản, đánh giá của Ban quản lý HTX và TV HTX về chất lượng, giá cả sản phẩm dịch vụ mà HTX cung cấp cho thành viên đều đạt mức độ tốt (Bảng 7). Đây cũng chính là lý do chính mà phần lớn các hộ nông dân mua các loại vật tư đầu vào nông nghiệp từ dịch vụ của HTX (Nguyễn Trọng Đắc & cs, 2014). Tuy nhiên, điểm trung bình đánh giá của HTX về các vấn đề trên luôn có sự chênh lệch lớn hơn từ 0,3-0,44 điểm so với đánh giá của các TV. Sự chênh lệch về quan điểm giữa nhà quản lý với TV HTX được thể hiện rõ rệt ở vấn đề liên quan đến thu nhập của TV HTX. Trong khi điểm trung bình từ đánh giá của đại diện BGĐ HTX về thu nhập của TV tăng lên nhờ giao dịch với HTX là 3,8 điểm, tương đương với mức tốt thì điểm đánh giá từ TV HTX chỉ ghi nhận tiêu chí này ở mức độ trung bình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu nhận thấy hoạt động SXKD của HTX trên địa bàn huyện còn một số tồn tại sau đây:

- Có tình trạng TV không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình, nợ đọng sản phẩm

còn nhiều dẫn tới khó khăn cho HTX trong quá trình hoạt động.

- Tài sản HTX sau khi chuyển đổi ít được đầu tư, trụ sở làm việc nhỏ, hư hỏng, phần lớn phải nhờ ở UBND xã. Hệ thống thủy lợi, cầu cống, mương máng xuống cấp, không đủ kinh phí cho việc sửa chữa.

- Định mức và giá thóc thu của nông dân thấp trong khi điều hành công việc trong SX thì trả lương theo giá thị trường nên HTX gặp nhiều khó khăn trong quá trình vận hành cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp. Giá thóc do UBND Tỉnh phê duyệt giai đoạn 2016-2018 là 4.800- 5.500 đ/kg, trong khi giá thóc thị trường giai đoạn này phổ biến từ 6.500đ-7.800 đ/kg.

- Nguồn vốn đầu tư phục vụ SXKD còn hạn chế do HTX khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay cũng như huy động vốn góp của các thành viên. Nhiều HTX chưa làm được khâu bao tiêu sản phẩm cho thành viên.

- Lợi nhuận thấp, chủ yếu để tái đầu tư và trích lập các quỹ. HTX không chia lãi cho TV, chưa gia tăng lợi ích kinh tế cho TV từ HTX, do đó chưa tạo ra động lực cho TV tham gia, gắn bó với HTX.

- Hoạt động của các HTX gắn liền với hoạt động của chính quyền có thể gây ra những trở ngại nhất định trong việc thúc đẩy hoạt động của HTX kiểu mới trong nền kinh tế thị trường.

3.2. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao kết quả hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện Tiền Hải

Nhằm nâng cao kết quả hoạt động SXKD của các HTX trên địa bàn huyện, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị sau đây:

** Đối với chính quyền địa phương:*

- Đẩy mạnh các hoạt động thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp của huyện theo hướng liên kết với các HTX nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn SXKD cho các HTX.

- Chú trọng xây dựng, phát triển các mô hình HTX kiểu mới, hoạt động gắn với các chuỗi giá trị nông sản an toàn, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn huyện, xây dựng cơ chế để tăng cường hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp với HTX, với nông dân, trên cơ sở các bên cùng có lợi.

** Đối với HTX:*

- Đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ SP, từng bước xóa bỏ tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ và chủ động tham gia vào chuỗi giá trị nông sản an toàn.

- Chủ động, tích cực tìm kiếm những ý tưởng mới để tăng hiệu quả hoạt động cho HTX. Xây dựng chế độ thù lao, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý HTX nhằm thu hút cán bộ trẻ, có năng lực về làm việc tại các HTX.

- Tăng cường đầu tư cho hoạt động chế biến, tiêu thụ sản phẩm của TV và HTX, góp phần nâng cao thu nhập của TV và kết quả SXKD của HTX. Việc HTX đem lại nhiều lợi ích cho thành viên sẽ là cơ sở để Đại hội TV HTX ủng hộ việc HTX tăng định mức thu đảm bảo bù đắp được chi phí hoạt động và có lợi nhuận.

** Đối với thành viên HTX*

- Nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản thu theo định mức của HTX, tránh tình trạng nợ đọng và chây ì trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với HTX.

- Thực hiện việc góp vốn vào HTX nhằm tăng vốn hoạt động cho HTX, tạo điều kiện cho HTX thực hiện hoạt động đầu tư, đổi mới, nâng cấp tài sản phục vụ hoạt động của HTX, tăng chất lượng dịch vụ cung cấp cho thành viên. Qua đó góp phần nâng cao thu nhập cho TV cũng như kết quả hoạt động SXKD của HTX.

- Tiến hành đồn điền đổi thửa, sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn theo chủ trương, kế hoạch của huyện, làm cơ sở để thúc đẩy liên kết

giữa TV, HTX với DN, góp phần nâng cao thu nhập cho TV và HTX.

4. KẾT LUẬN

Kinh tế hợp tác, HTX ngày càng phát triển, được khẳng định là bộ phận không thể thiếu trong nền kinh tế. HTX, thành viên HTX giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong quá trình hoạt động đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và HTX, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Các HTX huyện Tiên Hải trong thời gian qua đã đóng vai trò quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; là cầu nối để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung cấp dịch vụ với giá cả và chất lượng tốt, thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng SX hàng hóa, nâng cao thu nhập... Tuy nhiên, hoạt động của các HTX trên địa bàn huyện cũng bộc lộ những hạn chế cần được khắc phục như: khó tiếp cận vốn vay, chưa huy động được vốn góp của thành viên dẫn tới nguồn vốn đầu tư vào cơ sở phục vụ SXKD chưa đầy đủ, doanh thu, lợi nhuận thấp, thực hiện việc chia lãi cho các thành viên; Tỷ lệ HTX đầu tư vào dịch vụ bảo quản, chế biến còn thấp, nhiều HTX chưa chú trọng nhiều đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm...

Vì vậy, nhằm nâng cao kết quả SXKD của các HTX trên địa bàn huyện trong thời gian tới, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị đối với chính quyền địa phương, các HTX và TV, trong đó tập trung vào: (1) Tháo gỡ các khó khăn về vốn trong hoạt động của HTX; (2) Tăng cường đầu tư cho hoạt động tiêu thụ và các hoạt động làm gia tăng giá trị SP; (3) Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với HTX, với TV, trên cơ sở các bên cùng có lợi; (4) Đẩy mạnh việc tham gia vào chuỗi giá trị nông sản an toàn của HTX và thành viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017). Báo cáo sơ kết thi hành Luật HTX năm 2012.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). Báo cáo tình hình phát triển Kinh tế tập thể, HTX năm 2017.
- Bộ NN&PTNT (2017). Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã nông nghiệp.
- Đài phát thanh & truyền hình Thái Bình (2019). Tiền Hải phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp. Truy cập từ <http://www.thaibinh.tv.vn/news/65/48072/tien-hai-phat-trien-vung-chuyen-can-nong-nghiep>, ngày 18/6/2020.
- Lê Bảo (2014). Thực trạng và giải pháp phát triển HTX ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Kinh tế. 4(8).
- Liên minh HTX Việt Nam (2018). Báo cáo tình hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã và hoạt động của hệ thống liên minh HTX Việt Nam năm 2017. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2018.
- Liên minh HTX Việt Nam (2019). Khu vực kinh tế hợp tác xã đóng góp 4% GDP cả nước. Truy cập từ <http://vca.org.vn/khu-vuc-kinh-te-hop-tac-xa-dong-gop-4-gdp-ca-nuoc-a19695.html>, ngày 19/4/2020.
- Nguyễn Trọng Đắc, Trần Mạnh Hải & Bạch Văn Thủy (2014). Hoạt động dịch vụ của các hợp tác xã nông nghiệp với kinh tế hộ nông dân ở Thái Bình và Hòa Bình. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp và Phát triển. 12(6).
- Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải (2018). Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế tập thể các năm 2017, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2018.
- Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải (2019). Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2019.
- Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Bình (2016). Quyết định 1564/QĐ-UBND ngày 21/6/2016: Về việc phê duyệt giá thóc để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2016.
- Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Bình (2017). Quyết định 1635/QĐ-UBND ngày 23/6/2017: Về việc phê duyệt giá thóc để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2017.
- Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Bình (2018). Quyết định 1481/QĐ-UBND ngày 22/6/2018: Về việc phê duyệt giá thóc để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2018.